TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20-3-2019
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuyễn

2. Ông Đoàn Thế Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Ông Dương Nguyên Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 839/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐST-HN ngày 04 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1992

Địa chỉ: Tổ 4, ấp D, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: ấp P, xã PT, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn C (N), sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ 4, ấp D, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Tất cả có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày*: Chị và anh Trần Văn C chung sống với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, có tổ chức lễ cưới, ngày cưới cho một số nữ trang gồm đôi bông 01 chỉ vàng 24K, sợi dây 02 chỉ vàng 24K và cặp nhẫn 05 phân vàng 18k. Hiện số nữ trang trên không còn do vợ chồng đã bán trong thời gian chung sống.

Trong thời gian sống chung anh C quá khó khăn, tính toán chi li, kiểm tra chặt chẽ chi phí sinh hoạt trong gia đình, đi làm không đưa tiền cho chị. Sau khi

sinh con đầu tiên thì anh C đánh chị trước mặt nhiều người làm chị xấu hổ, hơn nữa anh C thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện cho rằng chị có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, khi con thứ 2 được 2,5 tháng chị bế con đi thuê nhà trọ bên ngoài sống được 04 tháng, sau đó về nhà cha mẹ ruột sống đến nay được 06 tháng và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị và anh C có gặp nhau nhiều lần tại nhà cha mẹ ruột chị, anh C có năn nỉ về chung sống lại nhưng chị không đồng ý vì nhận thấy không còn tình cảm với anh C nữa nên không thể nào tiếp tục chung sống. Do đó chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Trần Hoàng Minh, sinh ngày 21/02/2010 và Trần Tú Trinh, sinh ngày 15/12/2017. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Trinh còn anh C được tiếp tục nuôi cháu Minh. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn anh Trần Văn C trình bày*: Anh thống nhất lời trình bà của chị B. Nhưng về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ anh yêu cầu ly hôn là anh không thống nhất. Anh làm thợ hồ, do sức khỏe không đảm bảo nên một tuần chỉ làm được 04-05 ngày, hơn nữa việc làm hồ không ổn định nên 01 tuần anh có đưa chị B 400-500 ngàn đồng, anh thừa nhận có đánh vợ một cái bằng tay vì chị B cờ bạc ngoài ra không đánh lần nào nữa. Theo anh nguyên nhân chính chị B yêu cầu ly hôn là do chị đi theo người đàn ông khác, chính trực tiếp anh thấy người đó chở chị B, ba vợ nói với anh vợ đi theo trai thuê nhà trọ sống 04 tháng mới về bên vợ sống cách nay được 06 tháng, hiện nay vẫn còn quan hệ tình cảm với người đàn ông đó, tuy nhiên anh không có chứng cứ cụ thể. Từ khi chị B bỏ đi đến nay không một lần về nhà thăm con chung mà anh phải chở cháu Minh sang chơi với chị B, kể cả mẹ ruột anh bệnh cũng không về thăm. Nhận thấy vì còn thương vợ, con nên anh không đồng ý ly hôn, việc sai lầm của chị B anh đồng ý bỏ qua tất cả để vợ chồng cùng nhau chung sống làm ăn nuôi dạy con. Trường hợp ly hôn:

Về con chung: Anh thống nhất ý kiến của chị B.

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B, con chung, tài sản và nợ do không chấp nhận yêu cầu ly hôn nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Trần Văn C chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị B yêu cầu ly hôn, do anh C đi làm không đưa tiền cho chị không tin tưởng chị về tình cảm và đánh chị. Anh chị sống ly thân

cách đây khoảng một năm. Còn anh C thì cho rằng hàng tuần anh vẫn đưa tiền cho chị B có điều làm hồ không ổn định nên thu nhập thấp, anh thừa nhận có đánh chị B một lần là một tát tay do chị cờ bạc không nấu cơm, hơn nữa do chị B quen biết với người đàn ông khác, ngoài ra anh chị không có mâu thuẫn gì trầm trọng để dẫn đến ly hôn nên anh yêu cầu được đoàn tụ.

[2] Xét thấy, anh C không vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, mâu thuẫn giữa chị B và anh C chưa đến mức trầm trọng, anh chị chỉ mâu thuẫn N vì kinh tế gia đình dẫn đến cải vã nhau, tại phiên tòa chị B cũng thừa nhận anh C có đưa tiền cho chị. Trong thời gian chị B bỏ đi anh C thường xuyên đến gặp chị để năn nỉ hàn gắn gia đình cũng như tại phiên tòa, anh C hứa sửa đổi khuyết điểm, sẵn sàng tha thứ nếu chị B có lỗi lầm và anh tha thiết được đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc cùng nuôi dạy con chung, chứng tỏ anh C rất có thiện chí hàn gắn gia đình. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị B là không có cơ sở và đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị B phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị B đối với anh Trần Văn C.

2. Về án phí: Chị B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008433 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Chị B đã nộp đủ tiền án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vui